| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH CHÁNH**<br>**TP. HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **145**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-10-2018
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Cẩm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh.

2. Ông Phạm Văn Tuyền.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thùy Dương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa*:** Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1360/2017/TLST-HNGĐ ngày 24-11-2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 356/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27-8-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 303/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24-9-2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm: 1981

HKTT: Ấp Tân Lộc, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ: 14/9W khu dân cư X, đường số 2, ấp 2, xã C, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Chị L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Lê Hồng T, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Số 9 đường 10A, khu dân cư ấp 5, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Anh T vắng mặt tại phiên tòa)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn ngày 09-11-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy L trình bày:*

Chị và anh Lê Hồng T bắt đầu chung sống từ năm 2003, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre vào ngày 31-12-2002. Thời gian đầu, chị và anh T chung sống cũng bình thường, cũng hay xảy ra cãi nhau, đến năm 2012 thì chị mới lên Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, khi đó anh T đi theo năn nỉ nên chị cũng tha thứ để cùng lo cho con. Tuy nhiên, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nhất. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, anh T ghen bóng ghen gió rồi còn dùng dao hăm dọa chị. Từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay chị và anh T sống ly thân nhưng anh T vẫn tìm đến chỗ trọ của chị quậy phá. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng khó hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Hồng T.

Về con chung, chị và anh T chung sống có 02 con chung tên Lê Ngọc H, sinh ngày 15-01-2004 và Lê Hồng P, sinh ngày 22-8-2007, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng anh Lê Hồng T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào.

*- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh luận của các bên đương sự thì xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện

Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Lê Hồng T. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh thì anh T hiện đang cư ngụ tại số 9 đường 10A, khu dân cư ấp 5, xã P, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Do nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về sự vắng mặt của bị đơn anh Lê Hồng T, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cho anh T nhưng anh T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[4] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 278, Quyển số II/2002 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre vào ngày 31-12-2002 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L xác định giữa chị và anh T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Theo kết quả trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Bình Chánh về tình trạng hôn nhân thì trong quá trình chung sống giữa chị L và anh T có mâu thuẫn, không còn sống chung với nhau từ tháng 10 năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy L đối với anh Lê Hồng T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Chị L xác nhận giữa chị và anh T có hai con chung tên Lê Ngọc H, sinh ngày 15-01-2004 và Lê Hồng P, sinh ngày 22-8-2007, hiện các cháu đang sống cùng chị L. Chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung khi ly hôn; còn anh T vắng mặt, không thể hiện ý kiến,

yêu cầu của anh về con chung giữa anh và chị L. Ngoài ra, theo biên bản ghi nhận ý kiến của cháu H và cháu P vào ngày 12-12-2017 thì các cháu có nguyện vọng được sống cùng chị L. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao hai con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp; việc chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị là sự tự nguyện của chị L nên Hội đồng xét xử xét tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T.

[7] Về tài sản chung: Chị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh T vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của anh về tài sản chung giữa anh và chị L. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề tài sản chung theo yêu cầu của chị L, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[8] Về nợ chung: Chị L xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh T vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của anh về nợ giữa anh và chị L. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề nợ chung theo yêu cầu của chị L, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[9] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[10] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 11 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy L đối với bị đơn anh Lê Hồng T về việc tranh chấp ly hôn.

1.1 Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy L được ly hôn với anh Lê Hồng T. Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Lê Hồng T chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 278, Quyển số II/2002 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre vào ngày 31-12-2002 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Giao hai con chung tên Lê Ngọc H, sinh ngày 15-01-2004 và Lê Hồng P, sinh ngày 22-8-2007 cho chị Nguyễn Thị Thúy L tiếp tục nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lê Hồng T.

Anh Lê Hồng T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3 Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thúy L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

1.4 Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thúy L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà chị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0030820 ngày 17-11-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Chị L đã nộp đầy đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thúy L và anh Lê Hồng T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**Trần Thị Hồng Cẩm**